

Số: **43** /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **25** tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ - UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ - UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ – CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 315/TTr-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Công tác kiểm tra, xác nhận và giao nộp sản phẩm

1. Bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính phải được kiểm tra, ký duyệt, xác nhận theo quy định sau:

a) Bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính để phục vụ công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, ký duyệt.

b) Bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính để thực hiện cấp Giấy chứng nhận phải được Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt đối với tổ chức, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt đối với chủ sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.

2. Thể hiện chữ ký trên bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính:

a) Bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính để thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, phải có chữ ký của các đơn vị sau:

- Đơn vị đo đạc;
- Đơn vị kiểm tra;
- Chủ đầu tư;
- UBND cấp xã;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Bản trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính để thực hiện cấp Giấy chứng nhận:

- + Chữ ký của người trích lục, trích đo.
- + Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Giao nộp, quản lý bản trích đo địa chính phục vụ thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư (trừ các dự án đầu tư có mục đích kinh doanh)

a) Sau khi thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai, Chủ đầu tư nộp 05 bộ bản trích đo địa chính đủ điều kiện gồm dạng giấy (bản sao) và dạng số (khuôn dạng file *.dgn) đến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nơi có đất, UBND cấp xã nơi có đất để thực hiện việc chỉnh lý biên độ đất đai.

b) Việc tổ chức lập hồ sơ theo dõi, quản lý bản trích đo địa chính tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo quy định về quản lý hồ sơ địa chính.”

2. Bãi bỏ Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 24.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Đối với dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau hoặc trường hợp tại khu vực thu hồi đất không đảm bảo yêu cầu về thông tin để áp dụng các phương pháp so sánh trực tiếp, phương pháp chiết trừ, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư thì việc xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất có thể áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh để xác định giá đất.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

1. Tỷ lệ phần trăm quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 80%.

2. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

a) Đối với nhà, công trình xây dựng không áp dụng được đơn giá xây dựng cơ bản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào biên bản điều tra hiện trạng của Tổ công tác thống kê, GPMB để lập dự toán xây dựng công trình mới, có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, tính toán đơn giá xây dựng công trình, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp vào dự toán bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp không còn hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình thì căn cứ biên bản điều tra hiện trạng của Tổ công tác thống kê, GPMB để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân đủ năng lực lập lại thiết kế để lập dự toán xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trên cơ sở dự toán xây dựng mới của đơn vị tư vấn lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tính toán đơn giá xây dựng công trình, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp vào dự toán bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Bồi thường về di chuyển mồ mã

1. Người có mồ mã phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường theo đơn giá cụ thể do UBND tỉnh quy định. Ngoài kinh phí bồi thường theo quy định, còn được bồi thường chi phí hợp lý khác là: 3.000.000 đồng/mộ.

2. Trường hợp mồ mã không có người nhận thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện việc di chuyển để giải phóng mặt bằng công trình. Kinh phí được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này và do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi trả.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Khoản 2 Điều 84 Luật Đất đai và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) được thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền.

Việc hỗ trợ bằng tiền theo mức sau:

- Đất trồng lúa: Bằng 05 (năm) lần giá đất cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

- Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt: Bảng 04 lần (bốn) lần giá đất cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

- Đất trồng cây lâu năm: Bảng 03 (ba) lần giá đất cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

- Đất lâm nghiệp: Bảng 02 (hai) lần giá đất cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Diện tích được hỗ trợ là toàn bộ diện tích bị thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp.

a) Căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động có đất thu hồi;

b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất;

3. Trường hợp hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó mà được bồi thường bằng tiền thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo mức quy định tại Khoản 1 Điều này.”

5. Sửa đổi Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hỗ trợ khác

Ngoài việc hỗ trợ theo quy định tại các Điều 17,18,19,20,21 của Quy định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.”

6. Sửa đổi Khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Việc xác định giá đất làm căn cứ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái

định cư được xác định cùng thời điểm xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.” -

7. Bổ sung Khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Trong trường hợp khẩn cấp, phải giao đất tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân do bị sạt lở, sụt lún bất ngờ thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở thực tế tại địa phương để xét giao đất cho từng trường hợp cụ thể; diện tích đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không vượt quá hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 01 năm 2018.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Lao động Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bắc Kạn;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, NCKSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

